

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 12/01/2023

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B- TỈNH ĐỒNG NAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Thiều Thị Phi Loan – Nguyên Phó Chủ tịch Hội liên Hiệp Phụ nữ thành phố B.

Ông Trần Văn Chánh – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2510/2022/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 255/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/12/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy V, sinh năm 2000

Địa chỉ: 14C/69, khu phố 10, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Lê Hoàng Anh D, sinh năm 1999

Địa chỉ: 943/19, khu phố 7, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà V và ông D đều có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Hoàng Anh D tự nguyện tìm hiểu và đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai vào ngày 05/04/2021; có tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hợp, bắt

đồng quan điểm. Cả hai đã không còn tôn trọng lẫn nhau, nhiều lần cả hai cùng ngồi lại vì không muốn hạnh phúc gia đình tan vỡ, cố gắng giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không có kết quả. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm của bà với ông D cũng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông D để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông D có 01 con chung là cháu Lê Hoàng Hiền T, sinh ngày 21/9/2020. Ly hôn, bà xin được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu T. Bà không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Bà V trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà V trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai của ông Lê Hoàng Anh D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Thúy V tự nguyện tìm hiểu và đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai vào ngày 05/04/2021; có tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm. Hiện nay ông và bà V đã sống ly thân. Nay ông xét thấy tình cảm của ông và bà V cũng không còn, cả hai cũng không thể sống chung được với nhau nữa. Do đó, nay bà V xin ly hôn với ông thì ông đồng ý.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông, bà có 01 con chung là cháu Lê Hoàng Hiền T, sinh ngày 21/9/2020. Ly hôn, ông đồng ý giao cháu T cho bà V nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm thời, không cấp dưỡng cho con chung.

Về tài sản chung: Ông D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thúy V.

Về con chung: giao cháu Lê Hoàng Hiền T, sinh ngày 21/9/2020 cho bà Nguyễn Thị Thúy V chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời, ông Lê Hoàng Anh D không phải cấp dưỡng cho con.

Tài sản chung: Đương sự trình bày không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà V chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thúy V nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Lê Hoàng Anh D, sinh năm 1999, có địa chỉ cư trú tại 943/19, khu phố 7, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Qua nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, ông Lê Hoàng Anh D cung cấp bản tự khai và có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ; hòa giải và phiên tòa; ông Lê Hoàng Anh D sau đó cũng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đưa ra xét xử vắng mặt bà V và ông D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo bà Nguyễn Thị Thúy V trình bày thì bà V và ông D tự nguyện tìm hiểu và đi đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai vào năm 2021; có tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm. Cả hai đã không còn tôn trọng lẫn nhau, nhiều lần cả hai cùng ngồi lại vì không muốn hạnh phúc gia đình tan vỡ, cố gắng giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không có kết quả. Lời trình bày này của bà V cũng được ông D thừa nhận tại bản tự khai của ông D, đồng thời ông D cũng thống nhất ly hôn. Do đó, xét thấy, cuộc sống hôn nhân của bà V – ông D không hạnh phúc trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không có khả năng hàn gắn. Do vậy, việc bà Nguyễn Thị Thúy V xin ly hôn với ông Lê Hoàng Anh D là hoàn toàn có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà V, ông D có 01 con chung là cháu Lê Hoàng Hiền T, sinh ngày 21/9/2020. Ly hôn, ông, bà thống nhất giao cháu T cho bà Nguyễn Thị Thúy V nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; Do đó, HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của bà V; ông D.

Về cấp dưỡng: Tạm thời, ông D không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Các đương sự đều khai không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó, không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Thúy V phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 19; Điều 53, Điều 56; Điều 71; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thúy V. Bà Nguyễn Thị Thúy V được ly hôn với ông Lê Hoàng Anh D.

- Về con chung: Giao cháu Lê Hoàng Hiền T, sinh ngày 21/9/2020 cho bà Nguyễn Thị Thúy V nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; Tạm thời, ông Lê Hoàng Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì không trực tiếp nuôi con, nên ông D được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự đều khai không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó, không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thúy V phải nộp 300.000đ án phí, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0004110 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà V đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thúy V, ông Lê Hoàng Anh D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP.B;
- THA dân sự ;
- Đương sự;
- UBND xã (phường);
- Lưu.

Nguyễn Trần Nhân

Các Hội thẩm nhân dân

SỞ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

